TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-4-2023
V/v tranh chấp: "*Ly hôn và nuôi dưỡng con chung giữa bà Tr và ông Ch*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thụy Đang Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Long

2. Ông Lý Văn Til

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Tưởng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "*Ly hôn và nuôi dưỡng con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích Tr**, sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Phú Lợi A, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Ch**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thới Hòa B, xã Xuân Thắng, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích Tr trình bày: Vào năm 2018, bà và ông Nguyễn Văn Ch tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình sống chung, bà và ông Ch phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ch.

Về con chung: Bà và ông Ch có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích T, nữ, sinh ngày 31/08/2017. Nay ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành, không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ch vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên toà hôm nay: Bà Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Nguyễn Văn Ch vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Ch.

[2] Về quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Bích Tr và ông Nguyễn Văn Ch: Hai người sống chung từ năm 2016 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà Tr với ông Ch thì nhận thấy: Theo lời khai của bà Tr có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thì trong thời gian sống chung, bà và ông Ch có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà và ông Ch không có tiếng nói chung, ông Ch không phụ giúp bà lo kinh tế gia đình, thường xuyên uống rượu và cờ bạc, bà có khuyên nhưng ông Ch không sửa đổi, làm hôn nhân không còn hạnh phúc nên sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Phía ông Ch vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông và bà Tr. Xét thấy: trong thời gian sống chung, bà Tr và ông Ch có xảy ra mâu thuẫn và hiện tại cả hai không hàn gắn được hôn nhân của hai người. Bà Tr vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Ch, không thể hiện ý Ch mong muốn đoàn tụ với ông Ch; Phía ông Ch cũng không có ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Tr. Từ đó cho thấy, giữa bà Tr và ông Ch có tồn tại mâu thuẫn, cuộc sống chung đã thực sự không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu của bà Tr được ly hôn với ông Ch là có căn cứ để xem xét, chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo bà Tr khai, thì bà và ông Ch có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích T, nữ, sinh ngày 31/08/2017. Nay ly hôn, bà Tr yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành. Phía ông Ch không có ý kiến gì

về con chung và cũng không có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung khi ly hôn.

Theo lời khai của bà Tr thì cháu T hiện do bà chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần, nên giao con chung cho bà Tr nuôi dưỡng đến trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà Tr không có yêu cầu ông Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết. Sau này các bên có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì giải quyết thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Do đương sự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Sau này có tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích Tr và ông Nguyễn Văn Ch.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bích T, nữ, sinh ngày 31/08/2017 cho bà Nguyễn Thị Bích Tr nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông Nguyễn Văn Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Văn Ch không ai được cản trở ông Ch thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích Tr phải nộp 300.000đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí bà Tr đã nộp theo biên lai số 0005807

ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do Chnh đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thụy Đang Phượng